

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG NĂNG  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 03 - 7 - 2020

“V/v: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Ngọc San.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Đăng Huân.
2. Bà Nguyễn Thị Chinh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lương Công Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng .

Ngày 03 tháng 7 năm 2020, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2020/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2020 về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Lưu Quang T ( Lưu Văn T), sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, Đắk Lắk – Có mặt.

**- Bị đơn:** Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1977 – Có mặt .

Nơi ĐKNKTT: Thôn H, xã B, huyện P, Hà Nội.

Chỗ ở: Thôn T, xã E, huyện K, Đắk Lắk – Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Trong đơn khởi kiện ngày 01/4/2020, tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Lưu Quang T trình bày:**

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Hoàng Thị H kết hôn vào năm 1996, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện P, tỉnh Hà Tây ( Nay là TP Hà Nội). Sau khi kết hôn vợ chồng ông chung với nhau hòa thuận cho đến thời gian gần đây thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách hai người không hợp nhau và hai vợ chồng đã sống ly thân hơn một năm nay. Hiện nay ông vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H, vì giữa hai người đã nảy sinh mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc.

+ Về con chung: Ông và bà H có 01 con chung là Lưu Quang Q – Sinh ngày 03/01/1997, vì cháu đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án xem xét về trách nhiệm nuôi con.

+ Về phân chia tài sản chung và thanh toán nợ chung: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Hoàng Thị H trình bày:**

Bà công nhận bà và ông T đã đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện P, tỉnh Hà Tây ( Nay là TP Hà Nội) vào năm 1996 như ông T đã trình bày. Bà thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do ông T ngoại tình và đánh đập bà, hai người đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Tuy nhiên, hiện nay ông T yêu cầu ly hôn thì bà không chấp nhận, bởi vì giữa bà và ông T chưa thực hiện xong việc xử lý tài sản chung. Cụ thể: Hai bên đã thỏa thuận làm thủ tục tặng cho toàn bộ tài sản chung của vợ chồng cho con trước khi hai người làm thủ tục ly hôn, nhưng ông T chưa thực hiện.

+ Về con chung: Bà công nhận bà và ông T có 01 con chung là Lưu Quang Q – Sinh ngày 03/01/1997, vì cháu đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án xem xét về trách nhiệm nuôi con.

+ Về phân chia tài sản chung: Bà không yêu cầu chia tài sản chung, tuy nhiên bà yêu cầu ông T phải thực hiện nghĩa vụ làm thủ tục tặng cho tài sản của vợ chồng cho con theo như thỏa thuận của hai người.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

### **[ 1 ] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:**

Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ đã thu thập, Hội đồng xét xử (HĐXX) xét thấy: Ông Lưu Quang T và bà Hoàng Thị H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên ông T đã khởi kiện yêu cầu ly hôn bà H. Như vậy, tranh chấp giữa ông T và bà H là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

### **[ 2 ] Về nội dung tranh chấp:**

- Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà H là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án cả ông T và bà H đều thừa nhận giữa hai vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và thực tế hiện nay hai người đã không còn chung sống với nhau. Các lần hòa giải tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, còn bà H không chấp nhận ly hôn, nhưng không phải do còn tình cảm với ông T, mà vì lý do ông T chưa làm thủ tục tặng cho tài sản của vợ chồng cho con chung. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân cũng không đảm bảo cuộc sống hạnh phúc. Vì vậy HĐXX xét thấy việc ông T yêu cầu ly hôn là có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận cho ly hôn.

- Về con chung: Ông T và bà H có 01 con chung là Lưu Quang Q – Sinh ngày 03/01/1997. Con chung của ông T và bà H đã trưởng thành, nên HĐXX không đặt ra để xem xét về nghĩa vụ nuôi con.

- Về phân chia tài sản chung: Ông T không yêu cầu giải quyết việc phân chia tài sản chung. Tại bản tự khai ngày 28/4/2020 bà H có yêu cầu chia tài sản chung, nhưng sau đó đã không làm đơn yêu cầu, mặc dù Tòa án đã có thông báo. Vì vậy HĐXX không đặt ra để xem xét về phân chia tài sản chung trong vụ án này. Nếu các bên có yêu cầu phân chia tài sản thì sẽ được xem xét giải quyết tại một vụ án khác.

**[ 3 ] Về nghĩa vụ chịu án phí:** Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên;**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 và Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lưu Quang T được ly hôn bà Hoàng Thị H.
2. Về án phí: Ông Lưu Quang T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ trong số tiền 300.000đ ( Ba trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai số AA/2019/0002953 ngày 01/4/2020.
3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện Krông Năng;
- UBND xã B, huyện P, Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

( Đã ký )

**Bùi Ngọc San**